

Số: 43 /KH-CDKTCN

Phú Thọ, ngày 20 tháng 3 năm 2026

KẾ HOẠCH
Chuyển đổi số trong giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2026 - 2030

Căn cứ Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị; Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, cập nhật Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ.

Căn cứ Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo; Nghị quyết số 281/NQ-CP ngày 15/9/2025 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị.

Căn cứ Chương trình hành động số 02-CTr/TU ngày 22/7/2025 của Tỉnh ủy Phú Thọ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị; Kế hoạch số 7316/KH-UBND ngày 22/10/2025 của UBND tỉnh Phú Thọ về thực hiện Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ và Chương trình hành động số 02-CTr/TU ngày 22/7/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; Kế hoạch số 12535/KH-UBND ngày 30/12/2025 của UBND tỉnh Phú Thọ về Chuyển đổi số tỉnh Phú Thọ năm 2026; Kế hoạch số 69/KH-UBND ngày 10/3/2026 của UBND tỉnh Phú Thọ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia trên địa bàn tỉnh Phú Thọ năm 2026.

Căn cứ Kế hoạch số 12100/KH-UBND ngày 23/12/2025 của UBND tỉnh Phú Thọ về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo trên địa bàn tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2026-2030.

Căn cứ Kế hoạch số 39/KH-BCĐ ngày 08/10/2025 của Ban chỉ đạo về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số ngành giáo dục và đào tạo về Phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số ngành Giáo dục và Đào tạo năm 2025-2026; Kế hoạch số 58/KH-SGD&ĐT ngày 03/11/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo về Chuyển đổi số năm 2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo.

Căn cứ Chương trình hành động số 01-CTr/ĐU ngày 27/06/2025 của Đảng

ủy trường Cao đẳng KT-CN Vĩnh Phúc thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Quyết định số 1370/QĐ-CDKTCN ngày 17/12/2025 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng KT - CN Vĩnh Phúc về việc thành lập Ban chỉ đạo chuyển đổi số trường Cao đẳng KT-CN Vĩnh Phúc.

Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Vĩnh Phúc xây dựng kế hoạch thực hiện chuyển đổi số trong giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2026 - 2030 như sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

- Thực hiện chuyển đổi số trong giáo dục nghề nghiệp theo hướng hiện đại, minh bạch, an toàn, nâng cao chất lượng và hiệu quả; các hoạt động của trường được số hoá, kết nối, chia sẻ và tương tác; thực hiện quản trị, điều hành trường dựa trên dữ liệu và các công nghệ số.

- Xây dựng, triển khai đồng bộ hệ thống văn bản chính sách, hạ tầng số, các phần mềm/nền tảng số, dữ liệu số và nâng cao nhận thức, phát triển nguồn nhân lực để chuyển đổi số toàn diện trong quản trị nhà trường, hoạt động dạy, học, kiểm tra và đánh giá, hướng tới tiếp cận giáo dục nghề nghiệp đột phá về chất lượng, tăng hiệu quả đào tạo, góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực có kỹ năng nghề, nguồn nhân lực chất lượng cao, hoàn thiện các tiêu chuẩn trường cao đẳng chất lượng cao.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Mục tiêu đến năm 2028

a) Phát triển năng lực số cho đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý, đào tạo kỹ năng số cho học sinh sinh viên của nhà trường.

- Phân đầu trên 50% nhà giáo và cán bộ quản lý được đào tạo bổ sung nâng cao năng lực số, kỹ năng, phương pháp sư phạm phù hợp để triển khai đào tạo trên môi trường số.

- Phân đầu trên 50% nhà giáo của nhà trường được đào tạo phát triển học liệu số.

- 100% cán bộ, giáo viên, người lao động; học sinh, sinh viên được tập huấn, đào tạo và có kiến thức, kỹ năng số cơ bản.

b) Đổi mới và phát triển chương trình đào tạo

- Phân đầu trên 70% chuẩn đầu ra chương trình đào tạo của các trình độ được tích hợp năng lực số, có nội dung đào tạo phù hợp với phương thức chuyển đổi số.

- Phần đầu 100% chương trình đào tạo có ứng dụng công nghệ số được cập nhật phù hợp với ứng dụng khoa học công nghệ mới.

- Phần đầu đảm bảo cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin để thực hiện trên 30% môn học/modul trong chương trình đào tạo được dạy và học trực tuyến.

c) Hạ tầng, nền tảng và học liệu số

Phần đầu đến năm 2028 nhà trường có đầy đủ hạ tầng, nền tảng và học liệu số, kết nối, khai thác với nền tảng số giáo dục nghề nghiệp quốc gia và kho học liệu, tài nguyên số.

d) Quản lý số và quản trị số

- Công khai các dịch vụ công trực tuyến, các quy trình hệ thống đảm bảo chất lượng trên trang thông tin điện tử của nhà trường.

- Phần đầu 100% các trình độ đào tạo cao đẳng, trung cấp được số hóa quá trình học tập, kết quả học tập, văn bằng giáo dục nghề nghiệp của người học và kết nối, tích hợp dữ liệu lên môi trường số.

- Có trên 50% hoạt động kiểm tra chuyên ngành về giáo dục nghề nghiệp được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý.

- Phần đầu trên 50% báo cáo định kỳ và báo cáo thống kê về giáo dục nghề nghiệp được thực hiện trên môi trường số và kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu số.

- 100% văn bản điện tử được thực hiện, lưu trữ trên Hệ thống quản lý văn bản và điều hành.

2.2. Mục tiêu cơ bản đến năm 2030

a) Phát triển năng lực số cho đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý, đào tạo kỹ năng số cho học sinh sinh viên của nhà trường.

- Phần đầu 100% nhà giáo và cán bộ quản lý được đào tạo bổ sung nâng cao năng lực số, kỹ năng, phương pháp sư phạm phù hợp để triển khai đào tạo trên môi trường số.

- Phần đầu 100% nhà giáo của nhà trường được đào tạo phát triển học liệu số.

- 100% cán bộ, giáo viên, người lao động và học sinh sinh viên được tập huấn, đào tạo và có kiến thức, kỹ năng số.

b) Đổi mới và phát triển chương trình đào tạo

- Phần đầu 100% chuẩn đầu ra chương trình đào tạo của các trình độ được tích hợp năng lực số, có nội dung đào tạo phù hợp với phương thức chuyển đổi số.

- Phần đầu 100% chương trình đào tạo ứng dụng công nghệ số được cập nhật phù hợp với ứng dụng khoa học công nghệ mới.

c) Hạ tầng, nền tảng và học liệu số

Phấn đấu 100% các chuyên ngành đào tạo, trình độ cao đào tạo có hạ tầng số, nền tảng số để kết nối, học liệu số được khai thác với nền tảng số giáo dục nghề nghiệp quốc gia.

d) Quản lý số và quản trị số

- Công khai kịp thời, đầy đủ các dịch vụ công trực tuyến, các quy trình hệ thống đảm bảo chất lượng trên trang thông tin điện tử của nhà trường.

- Phấn đấu 100% các trình độ đào tạo đến năm 2030 số hóa quá trình học tập, kết quả học tập, văn bằng giáo dục nghề nghiệp của người học và kết nối, tích hợp dữ liệu lên môi trường số.

- Có trên 80% hoạt động kiểm tra chuyên ngành về giáo dục nghề nghiệp được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý liên kết bản đồ số mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp với các hệ thống chứng thực và tra cứu thông tin giáo dục nghề nghiệp vào năm 2030.

- Phấn đấu 100% báo cáo định kỳ và báo cáo thống kê về giáo dục nghề nghiệp được thực hiện trên môi trường số và kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu số trên Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ.

- Phấn đấu Trường Cao đẳng KT - CN Vĩnh Phúc là trường học số.

II. YÊU CẦU

1. Các bộ phận trực thuộc, các tổ chức đoàn thể của nhà trường thực hiện tuyên truyền nâng cao nhận thức của cán bộ, giảng viên, giáo viên, nhân viên, học sinh, sinh viên về vị trí, vai trò quan trọng của chuyển đổi số trong giáo dục nghề nghiệp, tạo sự đồng thuận, thống nhất cao trong quá trình lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện.

2. Bảo đảm sự lãnh đạo, chỉ đạo toàn diện của các cấp ủy Đảng; phát huy vai trò của cán bộ, đảng viên; các nội dung được cụ thể hóa Nghị quyết với tinh thần khấn trương, quyết liệt, nghiêm túc, sâu rộng trong cấp ủy, các đơn vị để cán bộ, đảng viên, giáo viên, nhân viên thống nhất nhận thức và nắm vững các quan điểm của Đảng về chuyển đổi số trong kỷ nguyên mới.

3. Việc cụ thể hóa phải bám sát nội dung Nghị quyết 57-NQ/TW của Bộ Chính trị, Nghị quyết 03-NQ/CP của Chính phủ, Chương trình hành động 85-CTr/TU của Tỉnh ủy và Quyết định 322/QĐ-UBND của UBND tỉnh, Chương trình hành động 01-CTr/ĐU của Đảng ủy trường và các quy định của pháp luật và điều kiện thực tế của nhà trường; xác định rõ nhiệm vụ, giải pháp, phân công trách nhiệm đầy đủ cho các phòng, khoa, trung tâm và có lộ trình cụ thể để thực hiện hiệu quả công tác chuyển đổi số của nhà trường.

4. Các bộ phận chức năng có kế hoạch cụ thể, thiết thực để thực hiện các nội dung chuyển đổi số trong giáo dục nghề nghiệp theo chức năng nhiệm vụ của đơn vị.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHUYỂN ĐỔI SỐ

1. Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành hoạt động chuyển đổi số

- Thường xuyên rà soát kiện toàn, nâng cao hiệu quả hoạt động của Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số của nhà trường.

- Phát triển chương trình, nội dung đào tạo các cấp trình độ giáo dục nghề nghiệp của trường phù hợp với yêu cầu của chuyển đổi số trong nền kinh tế số và hội nhập quốc tế; đổi mới chương trình, phương thức đào tạo, gắn kết chặt chẽ với doanh nghiệp trong xây dựng chương trình, tổ chức đào tạo, chuyển giao công nghệ hiện đại.

- Định kỳ rà soát, cập nhật tiến độ và kết quả thực hiện chuyển đổi số của từng phòng, khoa, trung tâm theo phân công.

2. Hoàn thiện văn bản, chính sách số

- Kịp thời xây dựng, sửa đổi, ban hành các văn bản và kế hoạch để thực thi các chương trình, nhiệm vụ chuyển đổi số trong nhà trường.

- Ban hành các quy định, hướng dẫn, quy chế khai thác, vận hành các phần mềm, nền tảng số để bảo đảm triển khai hiệu quả các phần mềm, nền tảng số, thuận lợi cho kết nối, chia sẻ dữ liệu và bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng.

3. Phát triển hạ tầng số

- Hiện đại hóa cơ sở vật chất, thiết bị máy tính, máy in, các thiết bị hỗ trợ công tác giảng dạy, ưu tiên triển khai thuê dịch vụ công nghệ thông tin, sử dụng nền tảng điện toán đám mây phục vụ chuyển đổi số, triển khai hạ tầng truyền dẫn, đường truyền Internet bảo đảm ổn định, an toàn thông tin.

- Ưu tiên hình thức thuê, hợp tác công tư trong đầu tư hạ tầng số, thiết bị thực tập số, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành ảo, phòng học thông minh, các thiết bị phát triển học liệu số... phục vụ cho quá trình chuyển đổi số giáo dục nghề nghiệp.

- Rà soát, cấp chữ ký số cho cán bộ, giáo viên phục vụ số hóa các giấy tờ, dữ liệu, hồ sơ học tập, giảng dạy trong nhà trường, bảo đảm giá trị pháp lý của các hồ sơ, giấy tờ số hóa.

4. Phát triển nguồn nhân lực số

- Xây dựng, kiện toàn, duy trì Tổ kỹ thuật công nghệ thông tin của nhà

trường giúp tham mưu về chiến lược, kế hoạch, định hướng triển khai hạ tầng, ứng dụng liên quan đến lĩnh vực công nghệ thông tin, quản lý hệ thống hạ tầng và ứng dụng công nghệ thông tin. Cử các thành viên của Tổ tham gia các khóa đào tạo chuyên sâu phù hợp với nhu cầu quản lý, đào tạo, quản trị mạng, an toàn, bảo mật thông tin.

- Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng, phổ cập kỹ năng số cho cán bộ, giáo viên, giảng viên, nhân viên và HSSV trong nhà trường.

- Phát triển các chương trình đào tạo chất lượng cao, các ngành nghề chuyên về công nghệ thông tin, công nghệ số, điện tử phục vụ phát triển kinh tế số, xã hội số.

- Nghiên cứu học tập kinh nghiệm chuyển đổi số từ các trường đại học, viện nghiên cứu, hợp tác/liên kết/phối hợp doanh nghiệp có kinh nghiệm triển khai chuyển đổi số để hỗ trợ tư vấn cho nhà trường triển khai mô hình, kiến trúc trường học số hiệu quả.

- Tổ chức, tham gia các hội nghị, hội thảo, tọa đàm để chia sẻ kinh nghiệm, sáng kiến, cách làm về chuyển đổi số; nâng cao nhận thức, tuyên truyền, truyền thông về chuyển đổi số, bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng, sử dụng AI có trách nhiệm,...

5. Phát triển các phần mềm, nền tảng số, dữ liệu số, học liệu số

- Triển khai các phần mềm, nền tảng số trong nhà trường để xây dựng được kho dữ liệu dùng chung như cơ sở dữ liệu giáo viên, cơ sở dữ liệu học sinh, cơ sở dữ liệu phòng, khoa, đơn vị, thực hiện số hóa dữ liệu, số hóa giáo trình, bài giảng, phát triển các học liệu số bảo đảm giá trị pháp lý để khai thác, sử dụng hiệu quả; thực hiện rà soát, chuẩn hóa dữ liệu trong nhà trường, ban hành danh mục dữ liệu dùng chung để bảo đảm tính thống nhất, kết nối trong sử dụng các phần mềm, nền tảng số trong nhà trường, đồng bộ với các hệ thống cơ sở dữ liệu liên quan đến giáo dục nghề nghiệp của bộ, ngành Trung ương, của tỉnh.

- Triển khai hệ thống quản lý đào tạo trực tuyến và bảo đảm các điều kiện cho đào tạo trực tuyến đối với ít nhất 30% môn học, mô đun của ngành, nghề đào tạo.

- Triển khai trang thông tin điện tử của trường được thể hiện ít nhất bằng 2 (hai) ngôn ngữ tiếng Việt và tiếng Anh, có đầy đủ các nội dung gồm: Cam kết chất lượng đào tạo và chất lượng đào tạo thực tế; điều kiện bảo đảm chất lượng đào tạo; thu chi tài chính...

- Triển khai ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI), trợ lý ảo để hỗ trợ Lãnh đạo nhà trường, cán bộ, giáo viên, nhân viên trong công tác quản lý, điều hành, đào tạo, hỗ trợ giảng dạy, học tập.

- Triển khai hiệu quả các cơ sở dữ liệu được triển khai dùng chung từ Bộ Giáo dục và Đào tạo, UBND tỉnh, Sở Giáo dục và Đào tạo và một số sở, ngành khác có liên quan như Sở Nội vụ (phần mềm quản lý cán bộ, công chức, viên chức), Sở Tài chính (các phần mềm kế toán, quản lý tài sản),...

6. Đảm bảo an toàn thông tin mạng

- Các hệ thống thông tin, phần mềm, nền tảng số triển khai trong nhà trường phải được rà soát, kiểm tra, đánh giá về an toàn, an ninh mạng trước khi được triển khai tuân thủ nguyên tắc không đưa vào sử dụng hệ thống chưa được kết luận bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng.

- Các hệ thống thông tin, phần mềm, nền tảng số đã được đưa vào sử dụng phải thường xuyên rà soát định kỳ các phần mềm, hệ thống thông tin.

- Triển khai các phần mềm có bản quyền, ưu tiên triển khai phần mềm phòng chống mã độc cho các máy trạm có triển khai các phần mềm, cập nhật các dữ liệu liên quan đến hồ sơ, dữ liệu quản lý, quản trị, đào tạo trong nhà trường.

7. Nhiệm vụ và lộ trình thực hiện

TT	Nội dung	ĐVT	Dự kiến thực hiện					Ghi chú
			Năm 2026	Năm 2027	Năm 2028	Năm 2029	Năm 2030	
1	Xây dựng, nâng cấp, thuê mua các phần mềm							
	Xây dựng phần mềm quản trị hệ thống (tích hợp các phần phần mềm hiện có, phát triển thêm các phân hệ theo yêu cầu quản lý)	01	01					
-	Phần mềm tuyển sinh và quản lý HSSV	01	01					
-	Phần mềm hỗ trợ dạy và học trực tuyến	01	01					
-	Xây dựng Trang thông tin điện tử (website)	01	01					
-	Phần mềm thư viện điện tử (kho dữ liệu, học liệu số)	01	01					
-	Phần mềm quản lý thi trắc nghiệm trực tuyến	01		01				
-	Phần mềm Quản lý tài sản và Thiết bị			01				
-	Phần mềm quản lý nhân sự			01				
-	Phần mềm Thời khóa biểu			01				
-	Khảo sát và đánh giá chất lượng (chất lượng giảng dạy của GV, chất				01			

TT	Nội dung	ĐVT	Dự kiến thực hiện					Ghi chú
			Năm 2026	Năm 2027	Năm 2028	Năm 2029	Năm 2030	
	lượng quản lý và phục vụ của CB, NV, chất lượng đào tạo)							
-	Cổng thông tin giảng viên			01				
-	Cổng thông tin sinh viên			01				
2	Phát triển nội dung chương trình đào tạo, chuyển đổi số các chuyên ngành đào tạo	Mã ngành						
-	Khoa Công nghệ thông tin		06		01			
-	Khoa Điện tử		06		01			
-	Khoa Cơ khí		06					
-	Khoa Điện		06					
-	Khoa Công nghệ ô tô		02		01			
-	Khoa Kinh tế - Dịch vụ du lịch		08		01			
-	Khoa Nông nghiệp – Xây dựng		02					
-	Khoa Công nghệ thời trang		03		01			
-	Khoa Các môn chung		02					
3	Đầu tư, nâng cấp các trang thiết bị, hệ thống an toàn thông tin phục vụ quản lý, điều hành của nhà trường							
-	Xây dựng Thư viện điện tử (kho dữ liệu, học liệu số)	TV		01				
-	Đầu tư hệ thống an toàn thông tin phục vụ quản lý	HT		01				
-	Đầu tư, nâng cấp các trang thiết bị (các thiết bị điện tử, thiết bị đầu cuối, internet...)	TB	100	80	80	80	80	
4	Đầu tư, phát triển các học liệu số theo hướng ứng dụng công nghệ thực tế ảo, thực tế ảo tăng cường và thực tế hỗn hợp							
-	Phòng học thông minh	Phòng	04	02	02			
-	Phòng học trực tuyến	Phòng	05	03	02			
	Phòng học thực tế ảo	Phòng			01	01	01	
5	Đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức, kỹ năng số, phương pháp đào tạo mới cho nhà giáo, cán bộ quản lý	Người	200	100	100	50		
6	Phát triển đội ngũ cán bộ chuyên về phát triển các ứng dụng số, học liệu số	Người	10	10	5	5	5	
7	Vận hành, bảo trì, nâng cấp, cải tiến các phần mềm hiện có							
-	Phần mềm quản lý đào tạo	01	x	x	x	x	x	

TT	Nội dung	ĐVT	Dự kiến thực hiện					Ghi chú
			Năm 2026	Năm 2027	Năm 2028	Năm 2029	Năm 2030	
-	Phần mềm duyệt giáo án	01	x	x	x	x	x	
-	Phần mềm quản lý công việc	01	x	x	x	x	x	
-	Phần mềm quản lý văn bản	01	x	x	x	x	x	
-	Các phần mềm ứng dụng chuyên ngành		x	x	x	x	x	
8	Bảo đảm an toàn, an ninh mạng	01	01					

Ghi chú: Mục 2. Phát triển nội dung chương trình đào tạo, chuyển đổi số các chuyên ngành đào tạo gồm những công việc:

- Phát triển nội dung, chương trình đào tạo phù hợp để triển khai đào tạo trên môi trường số (số hóa các chương trình đào tạo).
- Chương trình đào tạo có tích hợp kiến thức, kỹ năng số cho học sinh, sinh viên.
- Phát triển học liệu số cho các chuyên ngành đào tạo gồm: Giáo án, bài giảng điện tử, giáo trình được số hóa, dữ liệu thực tế ảo...

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Quản lý khoa học và Hợp tác quốc tế

- Chủ trì, phối hợp với các bộ phận chức năng, các đơn vị liên quan tham mưu trình Hiệu trưởng ban hành các văn bản hướng dẫn, triển khai thực hiện chương trình chuyển đổi số trong hoạt động giáo dục nghề nghiệp của nhà trường theo các quy định hiện hành.

- Chủ trì, phối hợp với các bộ phận chức năng, các đơn vị liên quan triển khai thực hiện các nội dung chuyển đổi số, kiểm tra, đôn đốc, theo dõi, tổng hợp kết quả thực hiện báo cáo Hiệu trưởng theo kỳ họp giao ban, báo cáo đột xuất theo yêu cầu của nhà trường.

- Kiểm tra, đánh giá việc thực hiện Kế hoạch hàng năm và theo giai đoạn, tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện trình Hiệu trưởng, báo cáo cơ quan cấp trên theo quy định.

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan xây dựng thư viện điện tử, hình thành trung tâm dữ liệu, kho học liệu số.

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tham mưu cho nhà trường xây dựng hạ tầng dữ liệu, nền tảng số, số hóa học liệu.

- Chủ trì, phối hợp với các khoa chuyên môn tổ chức xây dựng, phát triển học liệu số cho các trình độ, chuyên ngành đào tạo.

- Chủ trì, cùng với khoa Công nghệ thông tin, các đơn vị liên quan tham mưu cho nhà trường xây dựng, nâng cấp các phần mềm trong kế hoạch.

2. Phòng Kế hoạch - Tài chính

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan bố trí kinh phí để thực hiện Kế hoạch chuyển đổi số theo quy định, phù hợp với khả năng cân đối tài chính của nhà trường trong từng giai đoạn.

- Xây dựng kế hoạch vốn đầu tư công cho thực hiện Kế hoạch chuyển đổi số trong giáo dục nghề nghiệp của nhà trường theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện công tác thu, chi, báo cáo tài chính trên môi trường số.

3. Phòng Đào tạo

- Chủ trì, phối hợp với các khoa chuyên môn phát triển chương trình, nội dung đào tạo các trình độ giáo dục nghề nghiệp của trường phù hợp với yêu cầu của chuyển đổi số.

- Tổ chức thực hiện chuyển đổi số trong quản lý đào tạo, số hóa các chương trình đào tạo, đổi mới phương thức đào tạo để nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo.

- Thực hiện số hóa quá trình học tập, kết quả học tập, quản lý, cấp phát văn bằng giáo dục nghề nghiệp của người học và kết nối, tích hợp dữ liệu lên môi trường số.

4. Phòng Hành chính - Tổ chức

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan phát triển năng lực số cho đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp của nhà trường, nâng cao năng lực số, kỹ năng, phương pháp sư phạm phù hợp để triển khai đào tạo trên môi trường số.

- Phát triển đội ngũ cán bộ chuyên về phát triển các ứng dụng số, học liệu số.

- Tổ chức thực hiện số hóa hồ sơ viên chức, quản lý công việc trên môi trường số, số hóa các văn bản, chữ ký số, số hóa công tác thi đua khen thưởng, đánh giá xếp loại cán bộ, viên chức trên môi trường số.

- Tăng cường công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức của cán bộ, giáo viên, nhân viên về chuyển đổi số trong giáo dục nghề nghiệp.

5. Phòng Quản trị thiết bị - Đời sống

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tham mưu cho nhà trường về đầu tư, nâng cấp các trang thiết bị, đảm bảo phủ sóng internet rộng khắp khu vực trường, hệ thống an toàn thông tin phục vụ công tác chuyển đổi số của nhà trường

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan xây dựng kế hoạch đầu tư/thuê/chuyển giao thiết bị số, hạ tầng, các thiết bị thực hành thực tập, phòng

thí nghiệm, phòng thực hành ảo, phòng học thông minh, phòng học trực tuyến và các thiết bị phát triển học liệu số.

- Thực hiện công tác quản lý tài sản, thiết bị, công tác y tế học đường trên môi trường số.

6. Phòng Thanh tra, Khảo thí, Kiểm định chất lượng

- Chủ trì, phối hợp với các bộ phận, các đơn vị liên quan thực hiện cung cấp thông tin đảm bảo chất lượng trên trang thông tin điện tử của trường.

- Chủ trì, phối hợp với các bộ phận, các đơn vị liên quan thực hiện khảo sát, đánh giá chất lượng giảng dạy của giảng viên, giáo viên trên môi trường số

- Phối hợp cùng phòng Đào tạo, các khoa chuyên môn thực hiện số hóa ngân hàng đề thi, tổ chức thi, chấm thi trên môi trường số.

7. Phòng Công tác học sinh sinh viên

- Thực hiện số hóa công tác quản lý học sinh, sinh viên, các chế độ chính sách cho người học trên môi trường số.

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan thực hiện số hóa quá trình đánh giá rèn luyện và kết nối, tích hợp dữ liệu học sinh, sinh viên lên môi trường số.

- Tăng cường công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức của học sinh, sinh viên về chuyển đổi số trong giáo dục nghề nghiệp.

8. Trung tâm Tuyển sinh và Hợp tác doanh nghiệp

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan thực hiện số hóa công tác tuyển sinh, kết nối, tích hợp dữ liệu lên môi trường số.

- Xây dựng hệ thống thông tin tuyển sinh, khảo sát học sinh, sinh viên; lần vết việc làm; khảo sát ý kiến doanh nghiệp trên môi trường số.

9. Khoa Công nghệ thông tin

- Tổ chức nghiên cứu, phát triển hạ tầng số, nền tảng số, hạ tầng Internet dùng chung thống nhất trong toàn trường; đảm bảo kết nối Internet tới tất cả các đơn vị, với người học, đội ngũ nhà giáo.

- Tham mưu cho nhà trường ban hành các quy định về bảo đảm an toàn, an ninh, kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các đơn vị, các cơ sở dữ liệu có liên quan với cơ sở dữ liệu giáo dục nghề nghiệp.

- Xây dựng chương trình, nội dung đào tạo phù hợp với việc tổ chức đào tạo trên môi trường số, phát triển học liệu số cho các ngành đào tạo thuộc khoa quản lý.

10. Các khoa chuyên môn

- Phát triển chương trình, nội dung đào tạo phù hợp để tổ chức đào tạo trên môi trường số, phát triển học liệu số cho các ngành đào tạo, các môn học thuộc khoa quản lý.

- Thực hiện đổi mới nội dung, phương pháp sư phạm phù hợp để triển khai dạy và học trên môi trường số.

- Tập trung triển khai ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI), sử dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, đào tạo, hỗ trợ giảng dạy, học tập tại đơn vị.

11. Các đoàn thể nhà trường

Tổ chức phát động các phong trào thi đua, tạo động lực cho cán bộ, giáo viên, nhân viên, HSSV tìm hiểu, có nhận thức đầy đủ và tham gia vào các hoạt động chuyển đổi số phù hợp với khả năng, điều kiện của bản thân, của các phòng, khoa, trung tâm và nhà trường. Biểu dương, tôn vinh, khen thưởng các gương điển hình tiên tiến, nhân rộng mô hình tốt, cách làm hay, sáng kiến có giá trị trong chương trình chuyển đổi số của nhà trường.

Trên đây là Kế hoạch chuyển đổi số trong giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2026-2030 của Trường Cao đẳng Kỹ thuật – Công nghệ Vĩnh Phúc. Yêu cầu Trường các đơn vị nghiêm túc triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- HT, các PHT;
- Các phòng, khoa, trung tâm;
- Các đoàn thể nhà trường;
- Lưu: VT, QLKH&HTQT.

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



ThS. Phùng Mạnh Thắng